

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 494/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Vũ Khánh H, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: Tổ X9, khu phố CS, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Khánh Băng C, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Tổ X11, khu phố X4, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2023 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Vũ Khánh H trình bày:

Ông Phạm Vũ Khánh H và bà Lê Khánh Băng C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LU, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132 ngày 24/12/2018. Hôn nhân giữa ông H và bà C hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, không

tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày. Gia đình hai bên nhiều lần tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng không đạt được kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau và đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân của vợ chồng không còn tồn tại và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà C.

Về con chung: Quá trình sống chung, ông H và bà C có 01 người con chung tên: Phạm Vũ Băng D, sinh ngày 12/6/2019. Ông Phạm Vũ Khánh H đồng ý để bà Lê Khánh Băng C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Bản phô tô Căn cước công dân mang tên Phạm Vũ Khánh H và Lê Khánh Băng C; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Trích lục khai sinh; Bản chính Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đối với bị đơn bà Lê Khánh Băng C. Bà C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thời gian mở phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, bà C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Bà C không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông H và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký địa chỉ thường trú và hiện vẫn đang sinh sống tại tổ 11, khu phố 4, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Phạm Vũ Khánh H và bị đơn bà Lê Khánh Băng C trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LU, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132 ngày 24/12/2018. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn ông H và bị đơn bà C là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng nguyên đơn xác định từ đầu năm 2023 giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2023 đến nay. Hiện tại, ông H xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà C. Bị đơn bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Nguyên đơn xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 08/8/2023 tại địa phương nơi ông H và bà C sinh sống cho biết quá trình sống chung ông H và bà C có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là gì, chính quyền địa phương không rõ, nhưng hiện tại ông H và bà C không còn sống chung với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác

định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Phạm Vũ Băng D, sinh ngày 12/6/2019. Nguyên đơn đồng ý để bà C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn. Mặt khác, cháu D cũng đang sống chung với bà C, cuộc sống đang ổn định, sự phát triển của cháu D đang bình thường nên không cần phải thay đổi môi trường sống của cháu D. Do đó, việc giao cháu Phạm Vũ Băng D, sinh ngày 12/6/2019 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Vũ Khánh H đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Vũ Băng D, sinh ngày 12/6/2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn ông H không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Vũ Khánh H về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn bà Lê Khánh Băng C.

- Về hôn nhân: Ông Phạm Vũ Khánh H được ly hôn với bà Lê Khánh Băng C.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 132 do Ủy ban nhân dân thị trấn LU, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2018 cho ông Phạm Vũ Khánh H và bà Lê Khánh Băng C không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Vũ Băng D, sinh ngày 12/6/2019 cho bà Lê Khánh Băng C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Phạm Vũ Khánh H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Phạm Vũ Khánh H thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Vũ Khánh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Vũ Băng D, sinh ngày 12/6/2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi suất tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Vũ Khánh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011514 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát. Ông Phạm Vũ Khánh H còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND thị trấn LU, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

Nguyễn Kiều Oanh